

Khả năng Giáo dục Quyền Sở hữu Trí tuệ ở Thái Lan

Possibility of Intellectual Property Right Education in Thailand

Senshu Yoshii^{#1}, Tanasin Yatsungnoen^{*2}

#Khoa GD đại cương, Cao đẳng QG về Công nghệ, Cao đẳng Miyakonojo College

Yoshio 473-1, Miyakonojo, Miyazaki 8858567, Japan

¹senshu@cc.miyakonojo-nct.ac.jp

Khoa CNTT, Thai-Nichi Institute of Technology

²tanasin@tni.ac.th

Sưu tầm và giới thiệu: Ts. Mai Văn Tĩnh

Tóm tắt - Ở các nước ASEAN, các công ty Nhật Bản đã thành lập nhiều nhà máy và sản xuất một số lượng lớn sản phẩm. Sinh viên tốt nghiệp đại học sẽ góp phần chuyển giao công nghệ giữa Nhật Bản và các nước ASEAN. Ngoài ra, các hoạt động phát triển sản phẩm đã được tiến hành tại các nhà máy của các nước ASEAN tương ứng trong những năm gần đây. Tuy nhiên, trong giáo dục đại học hiện nay, rất khó cho sinh viên xem xét về việc cho phép chuyển giao công nghệ. Sinh viên nước ngoài đến từ các nước ASEAN thích tìm việc làm tại các công ty Nhật Bản tại quê nhà để chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, chương trình giảng dạy hiện tại không phù hợp để theo dõi những sinh viên này trong giáo dục đại học. Do đó, đối với giáo dục đại học, thời gian để kết hợp chuyển giao công nghệ trong chương trình giảng dạy đã đến, đặc biệt là khả năng đào tạo về Quyền sở hữu trí tuệ ở Thái Lan.

Từ khóa - Quyền sở hữu trí tuệ, Thái Lan, Nhật Bản

I. GIỚI THIỆU

Tại các nước ASEAN, các công ty Nhật Bản đã xây dựng và vận hành một số lượng lớn các nhà máy. Nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học sẽ làm việc để chuyển giao công nghệ giữa Nhật Bản và các nước ASEAN. Ngoài ra, các hoạt động phát triển sản phẩm đã được tiến hành tại các nhà máy của các nước ASEAN tương ứng trong những năm gần đây. Đối với chuyển giao công nghệ, sinh viên cần có chuyên môn kỹ thuật cao đối với các ngành công nghiệp, đặc biệt là chế tạo sản phẩm trong một số môn kỹ thuật. Ngược lại, không có đủ các bài giảng về Quyền sở hữu trí tuệ (IPR) và Tái thiết kế (RE). Khi sinh viên có thể học thêm các kỹ năng chuyển giao công nghệ, IPR và RE có thể chuyển công việc của họ thành việc phát minh ra các sản phẩm mới. Tuy nhiên, IPR và RE có trong quá ít chương trình giảng dạy ở hầu hết các trường đại học ASEAN bao gồm cả Nhật Bản. Đặc biệt, sinh viên không có đủ kiến thức về IPR, mặc dù đây là một trong những kiến thức cơ bản để chuyển giao công nghệ.

Tại sao kiến thức về IPR lại góp phần vào việc chuyển giao công nghệ? Thật dễ dàng để trả lời câu hỏi này: công nghệ mới được thành lập trên các lớp của kỹ thuật cũ. Được phép sử dụng bằng sáng chế của người khác sau khi hết hạn 20 năm kể từ khi phát minh ra. Không có sản phẩm nào ra đời mà không có sự đóng góp của các nhà nghiên cứu đi trước. Do đó, giống như một bản đồ sáng chế có thể được tạo ra để nắm bắt được tiền lệ bằng sáng chế, trong trường hợp phát triển sản phẩm, chúng tôi bắt đầu ở Nhật Bản và thực hiện phát triển sản phẩm sau khi đã hiểu rõ các phát minh hiện có.

Đối với việc chuyển giao công nghệ và cải tiến sản phẩm này, cần phải có kiến thức về IPR (chẳng hạn như bằng sáng chế, phát minh và nhãn hiệu). Sinh viên quốc tế trở về nước sau khi tốt nghiệp đại học sẽ đòi hỏi kiến thức tương xứng để không chỉ đơn giản là tận dụng công nghệ mà họ đã học trong

sáng kiến mà còn áp dụng các kỹ năng của họ để quản lý quyền SHTT. Tương tự như vậy, trong số các sinh viên Nhật Bản, sinh viên tốt nghiệp của họ để định hình trong các nhà máy ở nước ngoài tăng lên được mong đợi sẽ đồng thời sở hữu kiến thức thiết yếu về sở hữu trí tuệ trên toàn cầu.

II. TỔNG QUAN VỀ NHẬT BẢN

2.1. Chính sách sở hữu trí tuệ ở Nhật Bản

Chính phủ Nhật Bản đã đề xuất "Chính sách Tuyên bố Quốc gia về Sở hữu Trí tuệ" vào năm 2002.

Thủ tướng Junichiro Koizumi đã có bài phát biểu về chính sách sử dụng chiến lược tài sản trí tuệ tại Nghị viện vào ngày 4 tháng 2 năm 2002. Ông tuyên bố rằng Nhật Bản sẽ trở thành "Quốc gia sở hữu trí tuệ", một quốc gia nỗ lực biến tài sản trí tuệ trở thành động lực quan trọng đằng sau thịnh vượng quốc gia.

Điểm đầu tiên cần thảo luận là chính sách SHTT của Nhật Bản. Thuật ngữ "Quyền sở hữu trí tuệ" (IPR) được định nghĩa trong Điều 2-2 của Đạo luật cơ bản về SHTT như sau: "Quyền sở hữu trí tuệ" được sử dụng trong Đạo luật này có nghĩa là quyền bằng sáng chế, quyền mẫu hữu ích, quyền của nhà tạo giống cây trồng, quyền thiết kế, bản quyền, quyền nhãn hiệu, quyền được quy định bởi luật và quy định về sở hữu trí tuệ khác hoặc quyền liên quan đến lợi ích được bảo vệ bằng các hành vi.

Hướng dẫn xây dựng chiến lược về sở hữu trí tuệ vào tháng 7 năm 2002 đã dẫn đến việc ban hành Đạo luật cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ vào tháng 12 năm đó. Từ năm 2003, "Chương trình Chiến lược SHTT" đã được xuất bản. Các vấn đề liên quan đến giáo dục SHTT tại các trường cao đẳng của Học viện Công nghệ Quốc gia (NIT) và giáo dục đại học lần đầu tiên được đề cập trong ấn phẩm này. (Bảng 1) Giáo dục SHTT đã được đưa vào các trường cao đẳng NIT (National Institute of Technology) như thế nào?

Bảng 1. Các chính sách chiến lược về "đất nước IPR" ở Nhật Bản

1998	Cơ quan Patent công bố "sách giáo khoa chuẩn cho học về quyền SHTT" và bắt đầu "Chương trình hỗ trợ nhà trường về Giáo dục IPR".
2001	METI xây dựng "IPR Curriculum."
2002	Diễn văn của TT Koizumi về "Quốc gia sở hữu TT" (tháng Hai) Hướng dẫn hình thành chiến lược SHTT (Th. Bảy) Luật cơ bản SHTT (tháng 11)
2003	Tuyên bố chương trình chiến lược SHTT 2003
2011	MEXT đưa thêm Giáo dục IPR vào các trường THPT nông nghiệp, công nghiệp và thương mại

Giáo dục IPR, các học giả Nhật Bản, cũng như sinh viên phải nói đủ nội dung giáo dục và cũng được cung cấp (INPIT 2010). Đặc biệt, như đã nêu rõ trong Yoshii (2012), việc hệ thống hóa về giảng dạy sở hữu trí tuệ thông qua thu học phí đại học là không đủ theo quan điểm chủ quan của việc giám sát giáo viên mà chỉ là chương trình học mở rộng chưa được xây dựng đầy đủ ở đó. So với các cơ sở giáo dục ở Đài Loan và Singapore tích cực sử dụng chương trình giảng dạy và kỹ thuật giải quyết vấn đề, hiện tại, chúng tôi vẫn chưa theo kịp trình độ của Nhật Bản trong lĩnh vực này. Để đảm bảo thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tương lai đại học, đã đến lúc chúng ta phải coi chương trình giảng dạy trở thành chuẩn toàn cầu, ngay cả đối với giáo dục về sở hữu trí tuệ, và hiểu được hiện trạng sở hữu trí tuệ ở các nước ASEAN.

Hầu hết sinh viên NIT không thể hiểu đầy đủ về hệ thống pháp luật IPR do tính phức tạp của nó. Do đó, IPR đã được giảng dạy như một môn học đặc biệt, và chỉ một số trường cao đẳng NIT cung cấp các môn học về IPR.

Hiện tại rất khó để tiến hành Chương trình Chiến lược IPR do các văn phòng của Chính phủ Nhật Bản vô tổ chức. Người ta thường nghĩ rằng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) xử lý các nhiệm vụ hành chính và hoạch định chính sách. METI kiểm soát các tổ chức con của mình và quản lý chính sách bằng sáng chế của Nhật Bản do họ xây dựng. Ví dụ: Văn phòng Sáng chế, một trong những tổ chức con của METI, là văn phòng hành chính về bằng sáng chế, đăng ký thiết kế và nhãn hiệu. Trung tâm Thông tin và Đào tạo Sở hữu Công nghiệp Quốc gia (INPIT), một tổ chức con khác của METI, được thành lập để điều hành Thư viện Số về Sở hữu Công nghiệp (IPDL).

Năm 1998, nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục SHTT, Văn phòng Sáng chế đã xuất bản “Sách giáo khoa chuẩn để Nghiên cứu Quyền SHTT” và bắt đầu hỗ trợ các chương trình trường học về giáo dục SHTT. Dựa trên sách giáo khoa này, Văn phòng Sáng chế và IPDL đã xây dựng “Chương trình giảng dạy Tiêu chuẩn về Quyền SHTT” và đưa ra “Các Chương trình Hỗ trợ Nhà trường cho Giáo dục Quyền SHTT”. Mặc dù METI và các tổ chức phụ của nó đã đóng góp rất nhiều vào việc phổ biến kiến thức về IPR, nhưng METI vẫn chưa tạo đủ cơ hội cho học sinh học về IPR tại trường. Bởi vì Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) có quyền tối cao đối với các đơn vị giáo dục, METI không thể phổ biến giáo dục IPR giữa các trường học. Cho đến năm 2002, hệ thống giáo dục Nhật Bản không đưa IPR vào chương trình giảng dạy của mình và MEXT không có kế hoạch đào tạo giáo viên trung học về chủ đề này. Chỉ có một số giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của quyền SHTT và họ đã dạy môn học này mà không có giấy phép. Trên thực tế, chỉ có 9 dòng đề cập đến IPR trong số 230 trang của sách giáo khoa khoa học xã hội Nhật Bản dành cho học sinh trung học được sử dụng nhiều nhất. Giáo dục IPR, các học giả Nhật Bản, cũng như sinh viên phải nói đủ nội dung giáo dục và cũng được cung cấp (INPIT 2010). Đặc biệt, như đã nêu rõ trong Yoshii (2012), việc hệ thống hóa về giảng dạy sở hữu trí tuệ thông qua thu học phí đại học là không đủ theo quan điểm chủ quan của việc giám sát giáo viên mà chỉ là chương trình học mở rộng chưa được xây dựng đầy đủ ở đó. So với các cơ sở giáo dục ở Đài Loan và Singapore tích cực sử dụng chương trình giảng dạy và kỹ thuật giải quyết vấn đề, hiện tại, chúng tôi vẫn chưa theo kịp trình độ của Nhật Bản trong lĩnh vực này. Để đảm bảo thúc đẩy quá trình quốc tế hóa tương lai đại học, đã đến lúc chúng ta phải coi chương trình giảng dạy trở thành chuẩn toàn cầu, ngay cả đối với giáo dục về sở hữu trí tuệ, và hiểu được hiện trạng sở hữu trí tuệ ở các nước ASEAN.

Hầu hết sinh viên NIT không thể hiểu đầy đủ về hệ thống pháp luật IPR do tính phức tạp của nó. Do đó, IPR đã được giảng dạy như một môn học đặc biệt, và chỉ một số trường cao đẳng NIT cung cấp các môn học về IPR.

Hiện tại rất khó để tiến hành Chương trình Chiến lược IPR do các văn phòng của Chính phủ Nhật Bản vô tổ chức. Người ta thường nghĩ rằng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) xử lý các nhiệm vụ hành chính và hoạch định chính sách. METI kiểm soát các tổ chức con của mình và quản lý chính sách bằng sáng chế của Nhật Bản do họ xây dựng. Ví dụ: Văn phòng Sáng chế, một trong những tổ chức con của METI, là văn phòng hành chính về bằng sáng chế, đăng ký thiết kế và nhãn hiệu. Trung tâm Thông tin và Đào tạo Sở hữu Công nghiệp Quốc gia (INPIT), một tổ chức con khác của METI, được thành lập để điều hành Thư viện Số về Sở hữu Công nghiệp (IPDL).

Năm 1998, nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục SHTT, Văn phòng Sáng chế đã xuất bản “Sách giáo khoa chuẩn để Nghiên cứu Quyền SHTT” và bắt đầu hỗ trợ các chương trình trường học về giáo dục SHTT. Dựa trên sách giáo khoa này, Văn phòng Sáng chế và IPDL đã xây dựng “Chương trình giảng dạy Tiêu chuẩn về Quyền SHTT” và đưa ra “Các Chương trình Hỗ trợ Nhà trường cho Giáo dục Quyền SHTT”. Mặc dù METI và các tổ chức phụ của nó đã đóng góp rất nhiều vào việc phổ biến kiến thức về IPR, nhưng METI vẫn chưa tạo đủ cơ hội cho học sinh học về IPR tại trường. Bởi vì Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) có quyền tối cao đối với các

đơn vị giáo dục, METI không thể phổ biến giáo dục IPR giữa các trường học. Cho đến năm 2002, hệ thống giáo dục Nhật Bản không đưa IPR vào chương trình giảng dạy của mình và MEXT không có kế hoạch đào tạo giáo viên trung học về chủ đề này. Chỉ có một số giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của quyền SHTT và họ đã dạy môn học này mà không có giấy phép. Trên thực tế, chỉ có 9 dòng đề cập đến IPR trong số 230 trang của sách giáo khoa khoa học xã hội Nhật Bản dành cho học sinh trung học được sử dụng nhiều nhất.

Vì vai trò của IP trong giáo dục đại học đang ở giai đoạn đầu, nên có một số vấn đề liên quan đến việc bắt đầu giáo dục mới trong lĩnh vực này. Đại học Osaka Kyoiku đã khởi động một chương trình gọi là "Hệ thống đào tạo giáo viên giảng dạy quyền sở hữu trí tuệ" vào năm 2005. Văn phòng Sáng chế và Đại học Yamaguchi cũng đã tiến hành một nghiên cứu có tiêu đề "Dự án nghiên cứu về giáo dục SHTT tại trường đại học" vào năm 2006.

Các giáo sư có thể dạy sinh viên các kỹ năng công nghệ cao và nhiều nhận thức từ khía cạnh của họ. Tuy nhiên, không có đủ các bài giảng về "tạo ra ý tưởng mới", chẳng hạn như bản đồ tư duy, vòng tròn kiểm soát chất lượng, v.v.

2.2 Giáo dục Quyền SHTT (IPR) ở Nhật Bản

Giáo dục IPR đã được thực hiện như thế nào trong giáo dục đại học ở Nhật Bản, đặc biệt là ở NIT? Theo giáo trình của NIT, chỉ có 8 trong số 61 trường (13%) dạy các môn IPR. Tuy nhiên, số trường cao đẳng NIT tham gia "Chương trình hỗ trợ trường học về giáo dục quyền sở hữu trí tuệ" là 15. Khoảng một nửa số trường này không có bài giảng có tiêu đề IP mà là giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ trong các bài giảng với tên gọi khác hoặc hoạt động câu lạc bộ. Khảo sát thực tế từ một quan điểm khác, các bài giảng trong các trường cao đẳng NIT được chia thành hai loại: "Dạy học dựa trên sản phẩm" (PBT) và "Dạy học dựa trên lớp học" (CBT). PBT bao gồm phát triển sản phẩm, trong khi CBT liên quan đến việc giảng dạy về hệ thống pháp luật về quyền SHTT và quy trình đăng ký bằng sáng chế. Trong các trường đại học NIT, nhiều bài giảng IPR được đưa ra là PBT (Bảng 2).

Bảng 2. Các chi tiền về bài giảng giáo dục IP trong NIT

Year	Dạy dựa trên sản phẩm	Dạy dựa trên lớp học Classroom-based
2006	10	3
2007	10	3
2008	10	3
2009	10	3
2010	12	3

Source: INPIT (2007:2008:2009:2010:2011)

Một trong những PBT hay nhất là bài giảng tại Tokuyama NIT. Tokuyama NIT là công ty tiên phong trong tình hình hiện nay xoay quanh giáo dục IPR. Kadowaki (2008) nói rằng Tokuyama NIT có 24 sinh viên làm đơn xin cấp bằng sáng chế trong 5 năm và họ đã đóng góp một phần lợi ích cho giáo dục IPR. Sinh viên của trường có thể tạo ra sản phẩm với sự tư vấn của các giáo viên có kinh nghiệm trong doanh nghiệp.



Hình 1. Sách Giáo khoa chuẩn đề học IPR



Figure 2. Bài giảng IPR tại NIT, Miyakonojo College

Hầu hết các trường cao đẳng NIT đã giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ bằng cách sử dụng “Sách giáo khoa chuẩn đề nghiên cứu quyền sở hữu công nghiệp” cùng với “chương trình giảng dạy về quyền sở hữu công nghiệp”. Bằng cách sử dụng sách giáo khoa này, hầu hết sinh viên có thể hiểu các khái niệm về IPR chỉ với các bài giảng có 25 giờ học. Ngoài ra, sách giáo khoa này được INPIT cung cấp miễn phí, vì vậy sinh viên tham gia các bài giảng PBT có thể sử dụng sách giáo khoa miễn phí.

Một ví dụ đặc biệt về giáo dục IPR trong số các trường cao đẳng NIT kỹ thuật chuẩn là NIT,

Miyakonojo College. Tại trường cao đẳng này, một giáo sư giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ về các thực hành hiếm có ở Nhật Bản. Ngoài việc giải thích hệ thống luật pháp, giáo sư còn huấn luyện sinh viên của mình về "quá trình suy nghĩ để dẫn đến phát minh", sử dụng bản đồ tư duy và KJ - Method.

Giáo dục quyền sở hữu trí tuệ thông qua cả PBT và CBT tạo cơ hội cho sinh viên hiểu về quyền sở hữu trí tuệ. Ngày nay, có rất nhiều bài giảng về giáo dục IPR tại các trường cao đẳng NIT. Năm 2007, INPIT đã nghiên cứu khi các giáo viên bắt đầu nghiên cứu về IPR. Kết quả được trình bày trong Bảng 3. Cần lưu ý rằng nhiều giáo viên tại các trường cao đẳng NIT không có kinh nghiệm hoặc giấy phép về giáo dục quyền SHTT.

Bảng 3. Thời gian của giáo viên nghiên cứu quyền SHTT ở Nhật Bản

	Trường PTTH	NIT	Total	%
Tại trường	7	4	11	20%
Việc làm ở doanh nghiệp	15	6	21	20%
Việc làm ở NIT	31	2	33	32%
Về chương trình này	32	2	34	30%
Sau thời gian học	9	0	9	8%
Tổng số	94	21	115	100%

Có một điểm nữa cần được làm rõ. Chương trình giảng dạy về quyền sở hữu trí tuệ do INPIT thiết lập thiếu một số yếu tố: mặc dù nó cung cấp một phương tiện hiệu quả để sinh viên hiểu các hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ trong thời gian ngắn, nhưng nó không cung cấp hướng dẫn về cách “tạo ra ý tưởng mới”.

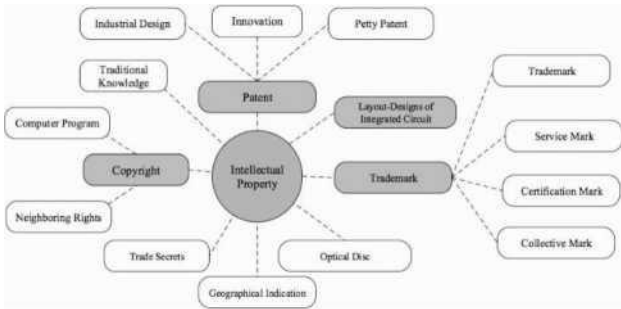
III. TỔNG QUAN VỀ THÁI LAN

3.1 Chính sách sở hữu trí tuệ ở Thái Lan

Cục Sở hữu trí tuệ (DIP) Thái Lan được thành lập vào năm 1992, dưới sự giám sát của Bộ Thương mại. Chiến lược này là tổ chức chính để bảo vệ quyền SHTT và nâng cao năng lực cạnh tranh và thương mại bền vững. Các nhiệm vụ chính của DIP bao gồm: tổ chức trung tâm đầu mối chính của quốc gia về các bằng sáng chế đã đăng ký; phủ sóng trong nước và quốc tế; bồi dưỡng tính sáng tạo; và quản lý và khai thác các điều khoản thương mại IP.

Sơ đồ trong Hình 3 cho thấy các chốt của tài sản trí tuệ trong một số danh mục, chẳng hạn như Bằng sáng chế, Bản quyền, Nhãn hiệu, Bố cục-Thiết kế của Mạch tích hợp, v.v ... Ví dụ, vào năm 2014 thông qua việc nộp đơn đăng ký tài sản. Các vấn đề trong phát minh (Sáng chế) và thiết kế (Thiết kế) Hơn 12.007 mục và số lượng IPR đã được đăng ký ở Thái Lan tổng cộng 3.763 mục cho các hồ sơ có niên đại từ năm 2010 đến năm 2014.

Bảng 4 cho thấy số lượng đăng ký quyền SHTT ở Thái Lan ngày càng tăng.



Hình 3. Quyền SHTT ở Thái lan

Bảng 4. Số ứng dụng
Patent được tài trợ ở
Thailand

	201	2	2	2	2
Inventio	7	9	1	1	1
Design	1	1	2	2	2
Total Patent	2 ,104	2 ,15	3 ,1	4 ,0	3 ,7

Tuy nhiên, số lượng các thương vụ mua lại bằng sáng chế giữa các công dân Thái Lan (cá nhân và tập đoàn) là rất thấp. Trong số 4.300 đơn xin cấp bằng sáng chế năm 2012, chỉ có 169 trường hợp (12,1%) là của Thái Lan. Do đó, chính phủ Thái Lan cần thực hiện chiến lược quốc gia để tăng số lượng người đăng ký bằng sáng chế của Thái Lan. Bảng 5. Đơn đăng ký sáng chế ở Thái Lan (2012)

Table 5. Patent Applications in Thailand (2012)

	Japan	Thailand	Europe	Northern America
Thailand	731 (52.3%)	169 (12.1%)	318 (22.7%)	181 (12.9%)

Bảng 5. Ứng dụng Patent ở Thailand (2012)

	Japan	Thailand	Europe	Northern America
Thailand	731 (52.3%)	169 (12.1%)	318 (22.7%)	181 (12.9%)

(Unit: Number)

Source: Patent Office of Japan (2013:255)

Tại Thái Lan, chính phủ đã công bố “Kế hoạch Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia” (NESDP) mới 5 năm một lần kể từ năm 1961. NESDP lần thứ 11, từ năm 2012 đến năm 2016, nhấn mạnh tầm quan trọng của chiến lược SHTT:

Thúc đẩy đăng ký, sử dụng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo và hiểu biết địa phương có lợi cho các ứng dụng thương mại để giúp thúc đẩy nền kinh tế. Nguồn: NESDP lần thứ 11 (2012: 86)

Tuy nhiên, ngược lại, không có đủ cách để truyền bá chiến lược IPR ở Thái Lan.

3.2 Giáo dục quyền SHTT ở Thái Lan

Khi điều tra về giáo dục ở Thái Lan, chúng tôi nhận thấy rằng các khoa kỹ thuật yêu cầu sinh viên làm việc trong một công ty hoặc ngành công nghiệp nước ngoài, đặc biệt là ở Nhật Bản, nơi được công nhận là có công nghệ và kỹ thuật tốt hơn trên thế giới. Ngày nay, Nhật Bản đã thành lập nhiều công ty ở Thái Lan. Vì vậy, sinh viên cần xin việc vào các công ty hoặc ngành công nghiệp của Nhật Bản, đặc biệt là ở Thái Lan. Hiện tại, Thái Lan có 156 trường đại học và cơ sở giáo dục đại học, và 43 trường đại học tư thục. Từ cuộc khảo sát thông tin trên các trang web của từng khoa kỹ thuật trong nhóm trường đại học tư thục, chúng tôi đã tìm thấy một số môn học về RE và IPR trong các khóa học của họ, như được trình bày trong Bảng 5.

Từ Bảng 5, các kết quả được tóm tắt như sau: Trong số 43 trường đại học tư thục: 1) hai trường đại học có chủ đề NLTT (4,15%), 2) sáu trường đại học có chủ đề IPR (12,50%), và 3) chỉ một trường đại học có cả đối tượng IPR và RE (2,32%). Bảng 6. Các khóa học IPR và RE của các ĐHTT tư thục ở Thailand

	RE	IPR	RE&IPR	Total
Number	2	6	1	43
Percentage	4.16%	12.50%	2.32%	100%

Chỉ có một trường đại học có các môn học về

IPR và RE. Do đó, rõ ràng là chỉ một số trường đại học Thái Lan đẩy mạnh các môn học truyền đạt kiến thức quan trọng về công nghệ chuyển giao từ nước ngoài. Đặc biệt, sinh viên các khoa kỹ thuật có kiến thức trực tiếp và hiểu biết về chuyển giao công nghệ. Vì vậy, những sinh viên tốt nghiệp không có đủ kiến thức không đủ kiến thức cần thiết để chuyển giao công nghệ từ nước ngoài.

Quyền SHTT (IPR), là một trong những lĩnh vực kiến thức quan trọng nhất để chuyển giao công nghệ, chỉ là “môn học bắt buộc” trong các khoa luật hoặc trong lĩnh vực pháp lý. Đây không phải là “môn phụ bắt buộc” của kỹ thuật, nhưng chỉ được đưa vào như một “khóa học tự chọn”.

IV. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH

Đối với nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn sáu công ty Nhật Bản tại Thái Lan từ ngày 6 đến ngày 22 tháng 6. Chúng tôi đã tìm thấy thông tin chi tiết bên dưới liên quan đến các sở thích tuyển dụng và kỹ năng IPR. Bảng 7. Số lượng đơn đăng ký sáng chế ở Thái Lan (2011)

	Công ty	Tên nước	Số
1	Honda Motor Co. Ltd.	Japan	137
2	Panasonic Corp.	Japan	72
3	Thailand National Science and Technology Development Agency	Thailand	69
4	Mitsubishi Electric Corp.	Japan	41
5	Thailand Institute of Science and Technological Research (TETR)	Thailand	39
6	Chiangmai University	Thailand	38
7	Kao Corp	Japan	37
8	Sanofi Sa	Franca	36
9	F Hoffmarm-La Roche Ltd.	Switzerland	33
10	Sumitomo Rubber Ind. Ltd.,	Japan	33
10	Unicharm Corp/	US	33

Source: Patent Office of Japan (2013:253)

Thứ nhất, các bổ nhiệm người tốt nghiệp, việc làm trọn đời và hệ thống lương theo thâm niên không phổ biến khi tuyển dụng ở Thái Lan. Do đó, họ không đào tạo công nhân của mình để phát triển khả năng SHTT. Nếu họ cần xử lý IPR, họ thuê các thiết bị hợp pháp chuyên biệt cho mục

đích này. Họ không cần phải thuê các đại lý cấp bằng sáng chế hoặc các nhân viên khác có kiến thức chi tiết về IPR để làm việc trong công ty của họ.

Thứ hai, các công ty được nghiên cứu không cần tạo ra sản phẩm ở Thái Lan. Hầu hết các phát minh công nghệ đến từ nước ngoài, và Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (PCT) áp dụng hầu hết các bằng sáng chế được nộp ở nước ngoài cho Thái Lan (xem Bảng 7).

Thứ ba, có đủ sự quan tâm đến quyền SHTT ở Thái Lan. Khi người sáng tạo, bao gồm cả các trường đại học, có được bằng sáng chế, họ cần mười năm hoặc hơn. Hệ thống ứng dụng này không mang lại đủ lợi ích cho các công ty đang phát triển công nghệ. Những tình huống này được hỗ trợ bởi sự đồng thuận của xã hội.

V. KẾT LUẬN

Chính phủ Thái Lan xác định chiến lược SHTT của đất nước, bao gồm quảng bá và cung cấp thông tin về kiến thức và bằng sáng chế cho người dân. Hiện tại, số lượng bằng sáng chế ở Thái Lan ngày càng lớn. Do đó, mọi người cũng nhận thức rõ hơn về SHTT. Vấn đề khó là hầu hết người dân chưa biết chuyển giao công nghệ từ các nước ASEAN sang Thái Lan.

Đặc biệt, các trường đại học tư thục ở Thái Lan không đưa IPR vào “môn học bắt buộc” của các khóa học của khoa kỹ thuật, dẫn đến việc sinh viên ra trường không có kiến thức và chuyên môn về chuyển giao công nghệ từ các nước ASEAN, đặc biệt là Nhật Bản. Việc đưa quyền sở hữu trí tuệ vào giáo dục trường học trở nên cần thiết để thúc đẩy nền kinh tế Thái Lan phát triển hiệu quả hơn. Sẽ có nhiều vấn đề, bao gồm cả việc đào tạo giáo viên để cung cấp giáo dục về IPR ở Thái Lan và xây dựng chương trình giảng dạy về IPR trong tương lai giống như của Nhật Bản.

Ngoài ra, tôi muốn nhấn mạnh những điểm sau. Thông qua giáo dục IPR, nền kinh tế Thái Lan sẽ được nâng cao nhờ sinh viên học về sản xuất và các quy trình đăng ký và bảo vệ bằng sáng chế. Khi một sản phẩm do sinh viên hình thành có được bằng sáng chế, các công ty liên doanh ra đời, dẫn đầu phong trào tầng lớp xã hội.

Giáo dục về quyền SHTT được cung cấp ở Nhật Bản gặp phải một số vấn đề, nhưng nền kinh tế Thái Lan trong tương lai sẽ thay đổi rất nhiều nếu giáo dục IPR như ở Nhật Bản được giới thiệu một cách hiệu quả ở Thái Lan. Nhiều công ty nước ngoài hiện đang hoạt động tại Thái Lan, nơi có chức năng như một cơ sở sản xuất cho họ. Tuy nhiên, sự phát triển của giáo dục quyền SHTT ở Thái Lan sẽ sớm thay đổi nó thành một quốc gia phát triển sản phẩm tại các quốc gia riêng.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Viện Công nghệ Thái-Nichi và Viện Công nghệ Quốc gia cho nghiên cứu này trong khuôn khổ Chương trình Trao đổi TNI-NIT 2015-2016.

REFERENCES

- [1] T. Kimura, *Human resource development to improve intellectual property research and development capabilities cultivate creativity in the field of human resource development institutions Satoshi Takara*. Tokugikon, Japan, 2007.
- [2] "History of the Department of Intellectual Property," *Department of Intellectual Property*, 11-11-2015. [Online]. Available: http://www.ipthailand.go.th/en/index.php?option=com_content&view=article&id=21:history&catid=38:history&Itemid=137.
- [3] *Intellectual Property Strategic Program*. Tokyo: Intellectual Property Strategy Headquarters, 2006.
- Enterprise Strategy and Intellectual Management*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2010.
- S. Kadowaki, *Intellectual Creation Cycle of National College Students in the Age of Information Technology*, vol. 50. University and Students, 2008.
- Cases of Effective Use of Industrial Property Rights Standard Textbook in the National Colleges of Technology*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2007.
- Cases of Effective Use of Industrial Property Rights Standard Textbook in the National Colleges of Technology*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2008.
- Cases of Effective Use of Industrial Property Rights Standard Textbook in the National Colleges of Technology*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2009.
- Cases of Effective Use of Industrial Property Rights Standard Textbook in the National Colleges of Technology*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2010.
- Cases of Effective Use of Industrial Property Rights Standard Textbook in the National Colleges of Technology*. Tokyo: National Center for Industrial Property Information and Training, 2011.
- The Eleventh National Economic and Social Development Plan*. Bangkok: National Economic and Social Development Board, 2012.
- Japan Patent Office, "Patent Macro Research," 2013.
- S. Yoshii, "Actuality and Issues in Intellectual Property Right Education at National College of Technology," Miyakonojo National College of Technology, Miyakonojo, 43, 2008.
- J. Watanabe, "Current Status and Issues in Academic-Industrial Cooperation and Intellectual Property - A Case Study of Seven Tohoku National Colleges of Technology," in *Association of Technology and Planning 2003 Annual Scientific Meeting Proceedings*, 413-416, 2003.